

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2017.

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quân và bà Lương Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2017/TLST-HN&GD ngày 14 tháng 3 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Tòng Thị N**; sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

Người phiên dịch cho nguyên đơn: Bà Hoàng Phương Thảo; sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Bản Chiềng Khoang, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Lò Văn B**; sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi liên quan: **Ông Tòng Văn L**;

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con, phân chia trách nhiệm trả nợ ngày 14/3/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tòng Thị N trình bày:

Chị Tòng Thị N và anh Lò Văn B kết hôn ngày 21/11/2000, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Trong 17 năm chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó do anh B thường xuyên uống rượu say, xúc phạm, đánh chị N. Anh B nghi ngờ chị N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nhiều lần anh B đuổi chị N ra khỏi nhà. Do vậy, chị Tòng Thị N và anh Lò Văn B đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn.

Bị đơn anh Lò Văn B khai về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như chị N khai là đúng; về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh B giống như chị N trình bày do anh B thường xuyên uống rượu say, xúc phạm và đã nhiều lần viết cam kết xin lỗi chị N. Hiện tại anh B vẫn còn tình cảm với chị N, nay chị N có đơn xin ly hôn anh B không nhất trí ly hôn mà đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ.

Về con chung: Chị Tòng Thị N và anh Lò Văn B có 03 người con chung. Cháu Lò Thị N sinh ngày 10/9/2001 đã lấy chồng về ở với bố mẹ chồng, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lò Thị V sinh ngày 14/02/2004 và cháu Lò Văn C sinh ngày 20/8/2007 viết bản tự khai tại Tòa án đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn.

Chị Tòng Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con sau ly hôn cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lò Văn B yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lò Văn C sau khi ly hôn, giao cháu Lò Thị V cho chị Tòng Thị N trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Chị Tòng Thị N và anh Lò Văn B khai thống nhất là không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại các phiên họp hòa giải chị Tòng Thị N và anh Lò Văn B thống nhất nợ ông Tòng Văn L số tiền là 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*). Khi ly hôn anh Lò Văn B nhất trí trả cho ông L $\frac{1}{2}$ số nợ chung là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) và chị Tòng Thị N trả cho ông L $\frac{1}{2}$ số nợ chung là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*).

Tại phiên tòa anh Lò Văn B nộp đơn đề nghị, đầu đơn ghi ngày 31/8/2017, cuối đơn ghi ngày 30/8/2017. Nội dung đơn thể hiện các khoản nợ chung như sau: Vay ông Lò Văn S ở bản Nậm Bay 10.000.000đ vay từ tháng 12/2016; vay cô Vân ở bản Pá Tong 3.000.000đ; vay ông Hùng ở bản Pá Tong 1.500.000đ; vay Ngân hàng 16.000.000đ, còn dư nợ 8.000.000đ. Anh Lò Văn B trình bày đây là khoản nợ chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung trên.

Người có quyền lợi liên quan ông Tòng Văn L trình bày: Ngày 28/8/2012 con gái là Tòng Thị N và con rể là Lò Văn B có vay ông Tòng Văn L số tiền là 9.850.000đ (*chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong thời gian vay hai vợ chồng con gái, con rể đã trả được một phần, đến nay còn nợ 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*). Tại phiên tòa hôm nay ông Tòng Văn L rút yêu cầu và đồng ý cho anh Lò Văn B, chị Tòng Thị N số tiền 6.000.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị Tòng Thị N và anh Lò Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị N và anh Lò Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/2000 của UBND xã Mùn Chung xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị Tòng Thị N và anh Lò Văn B đều thừa nhận là do anh B thường xuyên uống rượu say, xúc phạm, đánh chị N, nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Anh B đã xin lỗi chị N, mong chị N tha thứ để đoàn tụ nuôi con nhưng chị N vẫn kiên quyết ly hôn.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị N về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (bút lục 51-56) cũng như tại phiên tòa; lời khai của anh B mâu thuẫn với lời khai của chị N và không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được do chị N không còn tình cảm với anh B, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh chị không còn tin tưởng nhau mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Từ khi sống ly thân cả anh và chị không ai quan tâm tới ai, căn cứ tình trạng hôn nhân trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tòng Thị N, chị N và anh B được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Tòng Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con sau ly hôn cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị N, phù hợp với nguyện vọng của cháu Lò Thị V sinh ngày 14/02/2004 và cháu Lò Văn C sinh ngày 20/8/2007 đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó yêu cầu nuôi con của anh B, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung:

Về tài sản chung: Chị Tòng Thị N và anh Lò Văn B thống nhất không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung:

Xét về khoản nợ của ông Tòng Văn L, tại phiên tòa ông L rút yêu cầu đòi nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về đơn đề nghị đề ngày 31/8/2017 của anh Lò Văn B về việc yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung giao nộp tại phiên tòa. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, không có cơ sở giải quyết khoản nợ anh B cung cấp tại phiên tòa để giải quyết trong cùng vụ án xin ly hôn giữa chị N và anh B, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Tòng Thị N là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Tòng Thị N được ly hôn anh Lò Văn B.

2. Về con chung:

Chị Tòng Thị N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Thị V sinh ngày 14/02/2004 và cháu Lò Văn C sinh ngày 20/8/2007 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị N và anh B không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tòng Thị N có quyền yêu cầu anh Lò Văn B cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Lò Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Tòng Thị N.

Chị Tòng Thị N, anh Lò Văn B, ông Tòng Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/8/2017).

Nơi nhận

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương